VinaCapital

ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG VINACAPITAL

Sửa đổi lần 1 ngày: 19/11/2019

Sửa đổi lần 2 ngày: 20/04/2020

Sửa đổi lần 3 ngày: 14/05/2021

Classified: Public

MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ 5

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI 6

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG 9

Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ 9

Điều 2. Thời Hạn Của Quỹ 9

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ 9

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Đơn Vị Quỹ Được Chào Bán 9

Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ Của Quỹ 9

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ 9

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát 10

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ 11

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư 11

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bổ Tài Sản 11

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư 13

Điều 11. Hoạt Độug Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ 15

Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư 15

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ 16

Điều 13. Nhà Đầu Tư 16

Điều 14. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư 16

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư 18

Điều 16. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 18

Điều 17. Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 20

Điều 18. Thừa Kế Chứng Chỉ Quỹ 22

Điều 19. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 22

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 23

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư 23

Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 23

Điều 22. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản 24

Điều 23. Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 26

Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 26

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 27

Classified: Public

Điều 25. Ban đại diện Quỹ 27
Điều 26. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 27
Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bau Đại Diện Quỹ 28
Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ 29
Điều 29. Thủ Tục Điều Hành Của Bau Đại Diệu Quỹ 29
Điều 30. Đình Chỉ Và Bãi Miễn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 29
Điều 31. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Bau Đại Diện Quỹ 30
CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 31
Điều 32. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ 31
Điều 33. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 31
Điều 34. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 34
Điều 35. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ 35
CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 37
Điều 36. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát 37
Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát 37
Điều 38. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàug Giám Sát 38
Điều 39. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát 39
CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 39
Điều 40. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền 39
Điều 41. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cuug Cấp Dịch Vụ Liên Quan 40
Điều 42. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan 40
Điều 43. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền 41
Điều 44. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền 41
CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH 42
Điều 45. Đăng Ký Hoạt Động Phân Phối Đơn Vị Quỹ 42
Điều 46. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh 42
Điều 47. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Đơn Vị Quỹ 43
CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 45
Điều 48. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán 45
Điều 49. Năm Tài Chính 45
Điều 50. Chế Độ Kế Toán 45
Điều 51. Báo Cáo Tài Chính 45
Điều 52. Báo Cáo Khác 45
CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 46
Điều 53. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng 46

Classified: Public

Điều 54. Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ 46
Điền 55. Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ 46
Điều 56. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư Và Cho Quỹ 47
Điều 57. Ngnyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cnng Cấp Báo Giá 48
CHƯƠNG 12. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ, PHÂN CHIA LỢI TỨC 48
Điều 58. Thu nhập của Quỹ 48
Điều 59. Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ 48
Điều 60. Phân Chia Lợi Tức 50
CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU QUỸ 51
Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập 51
Điều 62. Các điều kiện Chia, tách Quỹ 51
Điều 63. Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ 51
CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 52
Điều 64. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích 52
CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 52
Điều 65. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư 52
Điều 66. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ 53
Điền 67. Đăng Ký Điều Lệ, Điều Khoản Thi Hành 53
Các Phụ lục Đính Kèm 54
PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 55
PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 57
PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 58
PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 59

Classified: Public

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;

2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

5. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

7. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;

9. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;

10. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán;

11. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Classified: Public

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như sau:

"Ban Đại Diện Quỹ"	là những người đại diện cho các Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
"Bản Cáo Bạch"	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và giao dịch Đơn Vị Quỹ.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"	là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
"Chứng Chỉ Quỹ đầu tư VIBF"	là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một (01) phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá một (01) Chứng chỉ Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
"Giá bán/Giá phát hành"	là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Đơn Vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Bản Cáo Bạch; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Bản Cáo Bạch.
"Giá mua lại"	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Đơn Vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại"	là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại quy định tại Điều Lệ này.
"Cổ tức Quỹ"	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
"Năm tài chính"	là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Classified: Public

"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	là đại hội của các Nhà Đầu Tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại Lý Chuyển Nhượng"	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ này.
"Đại Lý Ký Danh"	là Đại Lý Phân Phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Đơn Vị Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ.
"Đại Lý Phân Phối"	là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để phân phối Đơn Vị Quỹ.
"Điểm Nhận Lệnh"	là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
"Điều Lệ"	là điều lệ này, các Phụ lục đính kèm và các bản sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Đơn Vị Quỹ"	là một đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà Nhà Đầu Tư đó có quyền biểu quyết và được hưởng các lợi ích gắn liền với nó. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho một phần lợi ích, quyền và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ" hay **"NAV"**	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
"Hợp Đồng Giám Sát"	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
"Lệnh Bán Được Chấp Nhận"	là lệnh bán Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh bán đó.
"Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt chuyển đổi được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển đổi đó.
"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt chuyển nhượng được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.
"Lệnh Mua Được Chấp Nhận"	là lệnh mua Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư hoặc của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua đã được xác nhận là đã nhận được.

Classified: Public

"Lệnh Được Chấp Nhận"	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm gồm hai hoặc nhiều lệnh trên.
"Ngân Hàng Giám Sát"	là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVL"), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 hoặc bất kỳ Ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều Lệ này.
"Ngày Định Giá"	là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều Lệ Quỹ.
"Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ"	là ngày mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
"Người Có Liên Quan"	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14
"Nhà Đầu Tư"	là nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ hoặc được ghi nhận là chủ sở hữu của một hoặc một số Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
"Quỹ"	là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital hoặc bất kỳ quỹ nào khác kế thừa quyền và nghĩa vụ của quỹ này.
"Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh"	là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch tương ứng.
"Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán" hay **"VSD"**	là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"UBCKNN"	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"Vốn Điều Lệ"	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả các Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Đơn Vị Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.

Classified: Public

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ

Tên tiếng Việt:	QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG VINACAPITAL
Tên tiếng Anh:	VINACAPITAL INSIGHTS BALANCED FUND
Tên viết tắt:	VIBF
Địa chỉ liên hệ:	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931
Website:	wm.vinacapital.com

Điều 2. Thời Hạn Của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật và quy định của Điều Lệ này.

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Đơn Vị Quỹ Được Chào Bán

4.1 Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là tám mươi tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn (80.561.357.000) đồng. Số vốn này được chia thành tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm ba mươi lăm phẩy bảy (8.056.135,7) Chứng chỉ Quỹ. Mệnh giá của một Chứng chỉ Quỹ là mười nghìn (10.000) VND.

4.2 Nhà Đầu Tư góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

4.3 Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

4.4 Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ Của Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Classified: Public

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVL")

Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

Classified: Public

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng Giá Trị Tài Sản Ròng trung và dài hạn (từ hai (2) năm đến năm (5) năm) và tạo thu nhập ổn định cho Nhà Đầu Tư thông qua đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Chi tiết về các loại tài sản mà Quỹ sẽ đầu tư được thể hiện tại Điều 9.9 của Điều Lệ này.

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bổ Tài Sản

9.1 Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư năng động hoặc chiến lược đầu tư giá trị tùy vào diễn biến của thị trường và tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

9.2 Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại khoản 9 Điều 9 của Điều Lệ này.

9.3 Trái phiếu doanh nghiệp được xem xét đầu tư nếu trái phiếu đó thỏa mãn các tiêu chí quy định tại các khoản 9 Điều 9 của Điều Lệ này và thỏa mãn các tiêu chí do Công Ty Quản Lý Quỹ đề ra và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống để đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để đưa ra quyết định đầu tư liên quan đến kỳ hạn, lợi suất trái phiếu và nhóm ngành của tổ chức phát hành. Bên cạnh đó, Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời áp dụng phương pháp phân tích từ dưới lên để chọn lọc các tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng tốt và có đủ năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu khi đến hạn.

9.4 Đối với tài sản đầu tư là cổ phiếu, Quỹ áp dụng chiến lược năng động và sẽ tập trung vào cổ phiếu giá trị, nhưng tùy vào điều kiện thị trường, Quỹ cũng sẽ xem xét đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng để nắm bắt cơ hội. Cụ thể, Quỹ sẽ chọn các cổ phiếu thỏa mãn các tiêu chí quy định tại khoản 9 Điều 9 của Điều Lệ này của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đưa ra các phương án đầu tư và được toàn quyền lựa chọn và đầu tư các cổ phiếu thích hợp để tối ưu hóa lợi ích của Quỹ và đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ này và các quy định liên quan của Pháp Luật.

9.5 Quỹ áp dụng phương pháp phân tích tiếp cận từ trên xuống để phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng kết hợp với phương pháp phân tích tiếp cận từ dưới lên để phân tích các chỉ số cơ bản của các công ty mục tiêu nhằm lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty đang được định giá hấp dẫn và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong nhiều ngành khác nhau. Từ kết quả của các phân tích này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất và thực hiện các khoản đầu tư phù hợp cho Quỹ. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu. Công Ty Quản Lý Quỹ được toàn quyền quyết định

Classified: Public

danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

9.6 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.

9.7 Quỹ có mục tiêu đầu tư vào danh mục cân bằng giữa cổ phiếu và các tài sản thu nhập cố định. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố địuh sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư năng động nhằm vào tăng trưởng vốn. Tỷ lệ phân bổ kỳ vọng của Quỹ sẽ là đầu tư tối thiểu 80% tổng tài sản của Quỹ vào cổ phiếu và trái phiếu, trong đó tối thiểu 30% vào cổ phiếu và tối thiểu 30% vào trái phiếu. Cơ cấu phân bổ ở trên là cơ cấu kỳ vọng, tùy vào tình hình thực tế của thị trường, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi cơ cấu đầu tư ở trên cho phù hợp với thị trường.

9.8 Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản dầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ này và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

9.9 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; Trường hợp dầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Classified: Public

f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

h) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền, và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Khoản 9 Điều 9 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư

10.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VIBF bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

b) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 9 Điều 9 của Điều lệ Quỹ này;

c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 9 Điều 9 của Điều lệ Quỹ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

e) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 9 Điều 9 của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một (1) nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;

f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 9 Điều 9 của Điều lệ Quỹ này;

g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và g khoản 9 Điều 9 của Điều lệ Quỹ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (1) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;

h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ;

i) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;

Classified: Public

j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
   - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một (1) quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một (1) công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
   - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một (1) quỹ đại chúng, cổ phiếu của một (1) công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
   - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

10.2 Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (j) khoản 1 Điều 10.1 và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

10.3 Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tai điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

10.4 Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

10.5 Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

10.6 Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a. Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Classified: Public

b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;

c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận;

d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, việc điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ

11.1 Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

11.2 Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch mua lại Đơn Vị Quỹ từ Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa không quá ba mươi (30) ngày.

11.3 Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

11.4 Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính Phủ và các quy định liên quan khác của Pháp Luật.

Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và quy định liên quan của Pháp Luật.

Classified: Public

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

13.1 Nhà Đầu Tư có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.

13.2 Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho Nhà Đầu Tư đối với số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế nào đối với người đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

13.3 Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo quy định.

13.4 Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu Tư.

Điều 14. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư

14.1 Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:

a) hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số Đơn Vị Quỹ đang nắm giữ;

b) hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;

c) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Đơn Vị Quỹ mà mình đang sở hữu, theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

d) quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

e) quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Qnỹ;

f) quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

g) khởi kiện Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm qnyền, lợi ích hợp pháp của mình;

h) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư, quyền tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

i) tự ứng cử và/hoặc đề cử thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Điều lệ này; và

j) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán và Điều Lệ này.

Classified: Public

14.2 Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

a) tuân thủ Điều lệ Quỹ, tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, chấp hành quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

c) Điền đầy đủ và hợp lệ các phiếu đăng ký, phiếu lệnh và cung cấp các chứng từ cần thiết khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và/ hoặc các giao dịch khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Kịp thời cập nhật cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và đại lý phân phối có liên quan những thay đổi thông tin cá nhân của Nhà Đầu tư;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật về chứng khoán và Điều Lệ này.

14.3 Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;

- Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

14.4 Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

14.5 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong

Classified: Public

tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

15.1 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và Đại Lý Ký Danh (nếu có) lập và quản lý Sổ Phụ để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chúng Chỉ Quỹ.

15.2 Sổ Chính và Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ.

b) Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ.

c) Thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm:

(i) Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); và

(ii) Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền đại diện số Đơn Vị Quỹ thuộc sở hữu của tổ chức đó.

d) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là người nước ngoài;

e) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

f) Ngày lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư.

15.3 Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Thông tin về phần sở hữu của Nhà Đầu Tư và của đại lý ký danh nước ngoài trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

Điều 16. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

16.1 Tần suất giao dịch của Quỹ:

a) Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày Thứ Năm hàng tuần. Trong trường hợp ngày Thứ Năm không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Năm kế tiếp mà ngày đó là Ngày Làm Việc.

Classified: Public

b) Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố tại Bản cáo bạch và Bản cáo bạch tóm tắt và báo cáo tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

16.2 Việc thực hiện lệnh mua của Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Một lệnh mua Đơn Vị Quỹ được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ;

b) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn quy định tại Bản Cáo Bạch để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, tên và số tài khoản của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua Đơn Vị Quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát;

c) Giá trị mua tối thiểu được công bố tại Bản Cáo Bạch vào từng thời điểm; và

đ) Số lượng Đơn Vị Quỹ bán cho Nhà Đầu Tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phảy.

16.3 Việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Một lệnh bán Đơn Vị Quỹ được xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh bán đó;

b) Số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán tối thiểu và số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản được công bố tại Bản Cáo Bạch vào từng thời điểm. Trong trường hợp nếu việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu Tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu, lệnh bán đó sẽ được tự động hủy cho Ngày Giao Dịch tương ứng đó và Nhà Đầu Tư phải thực hiện lệnh bán mới vào Ngày Giao Dịch Tiếp theo cho toàn bộ số dư Đơn Vị Quỹ hoặc bán một số lượng Đơn Vị Quỹ ít hơn sao cho tài khoản của mình vẫn đảm bảo số dư tối thiểu;

c) Một Lệnh Bán Được Chấp Nhận có thể không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch;

d) Việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch nhưng không quá năm (5) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định.

16.4 Một lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ để mua đơn vị quỹ của quỹ khác được xem là Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển đổi đó và sẽ được đồng thời xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận tương ứng với Số Đơn Vị Quỹ được đặt để chuyển đổi. Quy trình thực hiện Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận được công bố tại Bản Cáo Bạch.

Classified: Public

16.5 Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

16.6 Nhà Đầu Tư có thể thực hiện chuyển nhượng phi thương mại dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện phán quyết của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền số Đơn Vị Quỹ mà mình đang sở hữu. Một lệnh chuyển nhượng phi thương mại được xem là Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký chuyển nhượng được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.

16.7 Phù hợp với quy định tại Điều 17, các Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu hủy Lệnh Mua Được Chấp Nhận đó. Tất cả các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận bị hủy đó, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới tại Ngày Giao Dịch tiếp theo.

16.8 Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh đối với các Lệnh Được Chấp Nhận để thực hiện vào một Ngày Giao Dịch cụ thể là vào 14 giờ 40 phút của Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch đó. Một lệnh mua được đặt trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và số tiền mua Đơn Vị Quỹ đã nhận được đầy đủ vào Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch tương ứng được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận để thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó.

16.9 Tất cả các khoản thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, họ tên và số tài khoản của Nhà Đầu Tư là người thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó.

Điều 17. Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

17.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:

(i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VND); hoặc

(ii) Giá trị phần Đơn Vị Quỹ hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn số Đơn Vị Quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc

(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại điểm (i) bên trên) hoặc số Đơn Vị Quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

Classified: Public

(iv) Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt và công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(v) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp vớiquy định của Pháp Luật.

17.2 Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (3) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

17.3 Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, toàn bộ phần chưa thực hiện của các Lệnh Được Chấp Nhận được ghép cùng với các Lệnh Được Chấp Nhận tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch của các Lệnh Được Chấp Nhận là như nhau. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện phần bị hủy của Lệnh Được Chấp Nhận, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17.1.

17.4 Đối với trường hợp quy định tại Điều 17.1(a), Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Ngoài ra, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bằng toàn quyền xem xét của mình thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận (thay vì chỉ thực hiện một phần) mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại các Điều 17.1(a) và 17.1(b)(i).

17.5 Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Đơn Vị Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện được giao dịch Đơn Vị Quỹ do nguyên nhân bất khả kháng;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ vào Ngày Giao Dịch do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các sở giao dịch chứng khoán tạm ngừng giao dịch;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

17.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 17.5 trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

17.7 Thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất.

17.8 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ theo quy định tại Điều 17.7, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hợp nhất hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ.

Classified: Public

17.9 Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

17.10 Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ theo quy định tại Điều 17.5 chấm dứt, các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận đã được nhận trước thời điểm tạm dừng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch đó.

Điều 18. Thừa Kế Chứng Chỉ Quỹ

18.1 Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của Pháp Luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

18.2 Công Ty Quản Lý Qnỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy dủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của Pháp Luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 19. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

19.1 Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua, bán, chuyển nhượng, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này nhưng phải công bố công khai trong Bản Cáo Bạch.

19.2 Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ được áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.3 Giá dịch vụ mua lại Đơn Vị Quỹ được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Đơn Vị Quỹ được bán. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Đơn Vị Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.4 Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán khi chuyển đổi Đơn Vị Quỹ lấy đơn vị quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.5 Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với Đơn Vị Quỹ áp dụng đối với Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giá dịch vụ đối với một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.6 Mọi thay đổi về giá dịch vụ giao dịch Đơn Vị Quỹ chỉ được áp dụng sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Classified: Public

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

20.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

20.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Việc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời gian hoạt động của quỹ.

20.3 Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

20.4 Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điều 20.3 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

20.5 Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 4 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ;

21.2 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

21.3 Quyết định việc chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể Quỹ;

21.4 Quyết định phương án phân phối lợi tức;

Classified: Public

21.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

21.6 Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

21.7 Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;

21.8 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ này và theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán.

Điều 22. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản

22.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất hai mươi mốt (21) ngày trước khi tiến hành đại hội.

22.2 Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

22.3 Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

22.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản Điều 22.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự cuộc họp.

22.5 Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

b) Hình thức Nhà Đầu tư tham dự và biểu quyết tại Đại hội:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác; tham dự hội nghị trực tuyến thông qua điện thoại, internet, hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc hình thức điện tử khác.

Classified: Public

c) Đại Hội Nhà Đầu Tư do Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban Đại Diện Quỹ đứng ra chủ trì.

d) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

22.6 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng Nhà Đầu Tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức;

(iv) Số lượng Đơn Vị Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;

(v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vii) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

(ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức.

c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu Tư), bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;

(ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;

(v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; và

Classified: Public

(vi) Các quyết định đã được thông qua.

e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 23. Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

23.1 Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

23.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức biểu quyết khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

23.3 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 dưới đây.

23.4 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp về các vấn đề quy định tại các Điều 21.2 và Điều 21.3 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.

23.5 Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của những Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành, không phụ thuộc vào vấn đề lấy ý kiến.

23.6 Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

23.7 Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản theo quy định tại Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

24.1 Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số nội dung quy định tại các Điều 21.2 và Điều 21.3 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại toàn bộ số Đơn Vị Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý

Classified: Public

Phân Phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi số Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại hay giá dịch vụ chuyển đổi. Giá mua lại Đơn Vị Quỹ trong trường hợp này sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban đại diện Quỹ

25.1 Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diên Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ. Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại Diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

25.2 Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán;

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

25.3 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm hoặc cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ không đáp ứng quy định tại Điều 25.2, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 26 để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

25.4 Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 26. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

26.1 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ:

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

b) có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

Classified: Public

26.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Đơn Vị Quỹ.

26.3 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

26.4 Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) Ban Đại Diện Quỹ thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của quỹ đầu tư.

26.5 Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

b) Là thành viên của trên năm (5) Ban Đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ

27.1 Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;

b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá;

c) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;

d) Phê duyệt về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

e) Phê duyệt các giao dịch tài sản của Quỹ với thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Trong trường hợp này, thì thành viên có giao dịch liên quan không được tham gia biểu quyết;

f) Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;

g) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ này;

h) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

27.2 Trong trường hợp Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Điều 27.1.f bên trên, Ban Đại Diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám

Classified: Public

Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin đối với quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

27.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

27.4 Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ:

a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ Quỹ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

28.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

28.2 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ; và

d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.

Điều 29. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ

Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 30. Đình Chỉ Và Bãi Miễn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

30.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Classified: Public

c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

30.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

c) Bị khởi tố hoặc truy tố;

d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền.

30.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

30.4 Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Ban Đại Diện Quỹ

31.1 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

31.2 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dư họp).

31.3 Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ có thể được tổ chức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

31.4 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ được quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Ban Đại Diện Quỹ bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Đại Diện Quỹ mà không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.

31.5 Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua theo nguyên tắc quá bán. Trong mọi trường hợp quyết định của Ban Đại Diện Quỹ chỉ được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập thông qua.

31.6 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ tham dự

Classified: Public

họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

32.1 Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của Pháp Luật;

32.2 Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;

32.3 Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở; và

32.4 Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 33. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

33.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ tuân thủ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật;

d) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

(i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;

(ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát;

(iii) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

(iv) Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu

Classified: Public

tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

(v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;

(vi) Thực hiện việc đầu tư và lưu ký tài sản Quỹ theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật; và

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

e) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công Ty Quản Lý Quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

f) Trong hoạt động quản trị Quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ và các hoạt động quản trị khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ; và

(iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về thành lập và tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ của Quỹ.

g) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát;

h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định của Điều Lệ này thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi

Classified: Public

phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quỹ;

i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của Điều Lệ này;

j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình của Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;

k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định tại Điều Lệ này. Việc bồi thường cho Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

l) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét thấy cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của Pháp Luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k) Điều 3233.1 bên trên;

m) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của Pháp Luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán;

n) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

   (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán của Quỹ trong năm đó; và

   (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán của Quỹ trong năm đó.

   Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (6) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập; quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.

o) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

p) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

q) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

   (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty Quản Lý Quỹ;

Classified: Public

(ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ; và

r) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

33.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền và quyền hạn sau:

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;

e) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư như được quy định tại Điều Lệ này và theo đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điệu Lệ này và của Pháp Luật;

f) Tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều Lệ này;

g) Được quyền yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu Tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo Pháp Luật hiện hành;

h) Ký hợp đồng phân phối Đơn Vị Quỹ với các Đại Lý Phân Phối;

i) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản Cáo Bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/ hoặc Ban Đại Diện Quỹ);

j) Quyết định mức giá dịch vụ mua, bán, chuyển đổi và chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch;

k) Đảm bảo tần suất và thời gian giao dịch Đơn Vị Quỹ không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng.

Điều 34. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

34.1 Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình theo các quy định của Điều Lệ Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;

Classified: Public

d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;

e) Quỹ hết thời gian hoạt động; hoặc

f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

34.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng tiến hành bàn giao các quyền, nghĩa vụ và thông tin, tại liệu và hồ sơ của Quỹ cho đơn vị tiếp nhận (nếu có).

34.3 Trong trường hợp có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 34.1(a), Quỹ sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí như sau:

a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phảy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 35. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong quá trình quản lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu những hạn chế sau:

35.1 Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý;

35.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các Ngân Hàng Giám Sát này và ngược lại;

35.3 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như với các Nhà đầu tư khác theo quy định;

35.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán Đơn Vị Quỹ quy định tại Điều 35.3 này và các giao dịch được quy định rõ trong Điều Lệ này, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ;

35.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch, và phải được quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch này phải bao gồm loại chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và được lưu trong vòng mười lăm (15) năm và phải được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu;

Classified: Public

35.6 Khi Công Ty Quản Lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do bên thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản giá dịch vụ đã được nêu rõ trong Điều Lệ này;

35.7 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ không được:

a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;

b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ hoặc công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

c) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

d) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Hội Đồng Thành Viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

e) Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức hoặc cá nhân khác;

f) Sử dụng tài sản của Quỹ để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch, Giám Đốc, Phó Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ; hoặc

g) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công Ty Quản Lý Quỹ;

35.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường;

35.9 Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu của mình, vốn của Quỹ và các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) tổng cộng từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau và với điều kiện là cơ cấu đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 10.1vẫn phải được tuân thủ:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về việc chào mua, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và

b) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật về chào mua công khai chứng khoán.

35.10 Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này; và

35.11 Các hạn chế khác theo quy định của Pháp Luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

Classified: Public

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán.

Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát

37.1 Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư của Quỹ;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;

j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng Nhà Đầu Tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật

Classified: Public

tất cả những thay đổi nếu có.

37.2 Ngân Hàng Giám Sát có các quyền như sau:

a) Được quyền nhận các loại giá dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản của Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Được quyền tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ; và

c) Được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký các tài sản trong nước và ở nước ngoài của Quỹ theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động ủy quyền này. Việc ủy quyền và thực hiện ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 38. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát

38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát theo Hợp Đồng Giám Sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định Giá Tài Sản Ròng của Quỹ, kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ này;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này;

e) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều Lệ này; và

f) Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

38.2 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

38.3 Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

Classified: Public

38.4 Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

38.5 Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều Lệ Quỹ.

38.6 Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 39. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;

b) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;

e) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể, bị chia, bị tách;

d) Quỹ bị sáp nhập hoặc bị hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

e) Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật Chứng Khoán.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền

40.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều Lệ này và quy định liên quan của Pháp Luật.

40.2 Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:

a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng;

b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư; và

Classified: Public

c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).

40.3 Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 40.2 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định tại Điều 43 Điều Lệ này.

Điều 41. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Nhà cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

41.1 Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín, đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;

41.2 Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;

41.3 Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;

41.4 Am hiểu về Pháp Luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;

41.5 Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ; và

41.6 Nhà cung cấp dịch vụ phải có hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 42. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

42.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ:

a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định Pháp Luật và Điều Lệ này; và

b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

42.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của Pháp Luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;

b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại các Điều 40.2(a) và (b) của Điều Lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;

d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

Classified: Public

e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

Điều 43. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền

43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

43.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

43.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định Điều 43.3 này.

43.4 Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.

43.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống, xây dựng qny trình, bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.

43.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

43.7 Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

43.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 44. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền

44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;

b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;

c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại Điều 41 hoặc Điều 42.2;

d) Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

44.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 44.1 bên trên, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công Ty Quản Lý Quỹ thuê.

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 45. Đăng Ký Hoạt Động Phân Phối Đơn Vị Quỹ

45.1 Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ mở, Đại Lý Ký Danh:

a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;

b) Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:

- Làm đại lý ký danh;
- Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

45.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy định của Pháp Luật và các điều khoản tại hợp đồng đại lý phân phối.

45.3 Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

45.4 Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối Đơn Vị Quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

a) Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định của Pháp Luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán; và

b) Các nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 46. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Dauh

46.1 Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng

Classified: Public

hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Pháp Luật. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định Pháp Luật;

d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư; và

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

46.2 Đại Lý Ký Danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật liên quan.

Điều 47. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Đơn Vị Quỹ

47.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức liên quan phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Đơn Vị Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Đơn Vị Quỹ.

47.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

47.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Đơn Vị Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà

Classified: Public

Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

47.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

47.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Đơn Vị Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

47.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Đơn Vị Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Đơn Vị Quỹ, nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ khi phân phối Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

47.8 Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Classified: Public

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toáu

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

48.1 Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

48.2 Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm; và

48.3 Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 49. Năm Tài Chính

49.1 Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

49.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Chế Độ Kế Toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định của Pháp Luật liên quan tới công tác kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Điền 51. Báo Cáo Tài Chính

51.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

51.2 Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 52. Báo Cáo Khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Classified: Public

CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

53.1 Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

53.2 Sổ tay định giá, danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng.

53.3 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận theo phương thức quy định tại Điều 55.2 của Điều Lệ này.

53.4 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

53.5 Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên một Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác và phù hợp với sổ tay định giá, Điều Lệ này và các quy định của Pháp Luật.

53.6 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ một (01) tuần một (01) lần hoặc thời hạn khác ngắn hơn theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được thông báo công khai đến Nhà Đầu Tư trên các phương tiện công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ sau khi có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 54. Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

54.1 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại sổ tay định giá, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết tại Phụ lục số 4 của Điều Lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ. Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

54.2 Giá Trị Tài Sản Ròng của một Đơn Vị Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Điều 55. Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ

Quy trình định giá tài sản Quỹ như sau:

Classified: Public

55.1 Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trêu một Đơn Vị Quỹ. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác và phù hợp Điều Lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của Pháp Luật.

55.2 Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

55.3 Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng.

55.4 Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.

Điều 56. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư Và Cho Quỹ

56.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Đơn Vị Quỹ mà chịu thiệt hại trong trườug hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ một phần trăm (1%) Giá Trị Tài Sản Ròng trở lên.

56.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Đơn Vị Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã bán; và

b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

56.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ san thời gian bị định giá sai; và

b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian bị định giá sai.

56.4 Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư theo quy định tại các Điều 56.2 và 56.3 được hạch toán vào Quỹ.

Classified: Public

56.5 Trường hợp mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu Tư theo quy định tại các Điều 56.2 và 56.3 nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) Đồng Việt Nam, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quỹ thay vì thanh toán cho Nhà Đầu Tư.

56.6 Các trường hợp đền bù khác thực hiện theo quy định của Pháp Luật và/ hoặc Điều Lệ này.

Điều 57. Nguyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cung Cấp Báo Giá

57.1 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.

c) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

57.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá

CHƯƠNG 12. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ, PHÂN CHIA LỢI TỨC

Điều 58. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

a) Cổ tức;

b) Lợi tức trái phiếu, tiền gửi hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định;

c) Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư và thoái vốn của Quỹ;

d) Các khoản thu nhập khác

Điền 59. Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ

59.1 Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính bằng một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Định Giá liên quan và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổng giá dịch vụ thu hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Classified: Public

Giá dịch vụ quản lý Quỹ của kỳ định giá = 1,75% x NAV tại ngày Ngày Định Giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

59.2 Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

59.3 Chi phí thưởng hoạt động: Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

59.4 Giá dịch vụ giám sát, lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

a) Giá dịch vụ giám sát là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là mười sáu triệu năm trăm ngàn (16.500.000) đồng một (01) tháng;

b) Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là mười một triệu năm trăm ngàn (11.500.000) đồng một (01) tháng;

c) Giá dịch vụ quản trị Quỹ là không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là hai mươi tám triệu (28.000.000) đồng một (01) tháng; và

d) Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.

59.5 Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là một trăm năm mươi nghìn (150.000) đồng/ một (01) giao dịch mua/ bán chứng khoán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; và

b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

59.6 Tiền giá dịch vụ trả cho tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được chi tiết tại Bảu Cáo Bạch.

59.7 Tiền giá dịch vụ kiểm toán trả cho công ty kiểm toán.

59.8 Tiền giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.

59.9 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.

Classified: Public

59.10 Trong quá trình giao dịch Đơn Vị Quỹ, Nhà Đầu Tư có thể phải thanh toán các loại giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi hoặc giá dịch vụ chuyển nhượng tương ứng với các giao dịch Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư thực hiện. Giá dịch vụ này do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố vào từng thời điểm và Nhà Đầu Tư thanh toán trực tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ mà không bao gồm trong chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 60. Phân Chia Lợi Tức

60.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

60.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này).

60.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

60.4 Nguồn để phân phối cổ tức của Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:

a) Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ;

b) Nguồn chia phải từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động; và

c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

60.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư.

60.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ);

b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn Vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ);

d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và

e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

Classified: Public

60.7 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.

60.8 Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển uhượng số Đơn Vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

60.9 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp Pháp Luật quy định, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

Điều 62. Các điều kiện Chia, tách Quỹ

Việc chia, tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và đáp ứng các quy định sau:

a) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Chứng Khoán;

b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.

Điều 63. Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ

63.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn;

d) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

e) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;

f) Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đề xuất và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận giải thể Quỹ trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam; hoặc

63.2 Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 64. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích

64.1 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ với các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Qũy với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý và của nhà đầu tư ủy thác; và

c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều Lệ này và Pháp Luật.

64.2 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

64.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và Pháp Luật hiện hành;

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 65. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư

65.1 Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

65.2 Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

65.3 Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công Ty Quản Lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

65.4 Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư một (01) tuần sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

65.5 Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

65.6 Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Classified: Public

Điều 66. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

66.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ phải báo cáo UBCKNN.

66.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong Điều Lệ Quỹ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ Quỹ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 67. Đăng Ký Điều Lệ, Điều Khoản Thi Hành

67.1 Điều lệ Quỹ này bao gồm 15 Chương, 67 Điều và 04 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua ngày 14 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.

67.2 Điều Lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị pháp lý như nhau bằng tiếng Việt:

a) Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định của Pháp Luật;

b) Hai (02) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

Classified: Public

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục số 1: Cam Kết của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 4: Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

*(sau đây gọi là "**Công Ty Quản Lý Quỹ**")*

cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Qũy Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng Vinacapital (sau đây gọi là "**Quỹ**"):

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;

2. thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà Đầu Tư;

3. đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm;

4. trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

5. định kỳ cung cấp Cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:

    a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Đơn Vị Quỹ mà các Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;

    b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

    c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ; và

    d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ và của Pháp Luật.

6. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá địch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

7. không được đầu tư vào các chứng khoán hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp Pháp Luật cho phép;

8. không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư;

Classified: Public

9. thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;

10. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

11. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

12. đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi của các Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho các Nhà Đầu Tư;

13. cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;

14. báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất; và

15. thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

BROOK COLIN TAYLOR

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

*(sau đây gọi là "**Ngân Hàng Giám Sát**")*

cam kết:

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;

2. đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;

3. thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;

4. thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

5. tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;

6. giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ theo các quy định của Pháp Luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

7. đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà Đầu Tư; và

8. đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát



Bùi Thị Huyền Trang
Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

*(sau đây gọi là "**Công Ty Quản Lý Quỹ**")*

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

*(sau đây gọi là "**Ngân Hàng Giám Sát**")*

Cùng cam kết:

1. thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho Nhà Đầu Tư;

2. tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;

3. thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Đồng Cổ Đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội Đồng Thành Viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn; và

4. không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

BROOK C.TAYLOR
Tổng Giám Đốc

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

M.S.D.N: 0103617147-C.T.T.N.H.H
NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Bùi Thị Huyền Trang
Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;

b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;

c) Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

1.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

2. Phương pháp định giá tài sản:

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		

Classified: Public

1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: i. mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu; ii. một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái Phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường theo chi tiết tại Sổ tay định giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: i. Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc ii. Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc iii. Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết	Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá
8.	Trái phiếu không uiêm yết	Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

Classified: Public

		i. Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc ii. Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc iii. Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc iv. Giá xác định theo phương pháp đã được được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ Phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: i. Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc ii. Giá mua; hoặc iii. Giá trị sổ sách; hoặc iv. Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: i. Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc ii. Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc iii. Giá trị sổ sách; hoặc iv. Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.

Classified: Public

13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: i. Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc ii. Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: i. Giá trị sổ sách; hoặc ii. Mệnh giá; hoặc iii. Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.
Chứng khoán phái sinh		
16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các Tài Sản Khác		
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

i. Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.

ii. Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

iii. Giá trị thanh lý của 1 cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Classified: Public

iv. Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF) để tham khảo.

v. Ngày tại Phụ lục 4 này được hiểu là ngày theo lịch

3. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

3.1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế;

3.2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;

  Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;

  Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn *(*)* điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta *(**)*
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn *(***)* điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao

Classified: Public

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Classified: Public